

Số: 02/2022/QĐST-KDTM

Tuy An, ngày 23 tháng 8 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2022/TLST – KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số A, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Hữu S – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số B Quốc lộ 1A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019. Ông S uỷ quyền lại cho ông Nguyễn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (theo văn bản uỷ quyền ngày 02/6//2022)

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Trần T- sinh năm 1967, bà Lê Thị H – sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Trần T, bà Lê Thị H thừa nhận còn nợ Ngân hàng N- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền nợ vay tính đến ngày 15/8/2022 là

865.593.056đ (*Tám trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*) (trong đó: tiền gốc: 530.000.000đ; tiền lãi quá hạn 9.348.612đ; tiền lãi trong hạn 326.244.444đ)

- Vợ chồng ông T, bà H cam kết sẽ trả cho N - chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền nợ vay tính đến ngày 15/8/2022 là 865.593.056đ (*Tám trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*) (trong đó: tiền gốc: 530.000.000đ; tiền lãi quá hạn 9.348.612đ; tiền lãi trong hạn 326.244.444đ), theo phương thức và thời gian trả nợ như sau:

+ Đến ngày 30/9/2022 vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Đến ngày 31/12/2022 vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 480.000.000đ (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

+ Trong năm 2023, vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên khoản tiền lãi đến ngày 15/8/2022 là 335.593.056đ (*Ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2022, vợ chồng ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp vợ chồng ông T, bà H vi phạm thời hạn trả nợ gốc tại bất kỳ đợt nào theo thỏa thuận đã nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ tổng số tiền nợ chưa thanh toán. Trường hợp vợ chồng ông T, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông T, bà H là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGPENG, biển số 78C-040.66, số khung LGAXPM6X0B1804671, số máy L31530*87718480* theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1201098/HĐTCTSHTTTTL ngày 09/4/2015 và Phụ lục hợp đồng tài sản ký ngày 14/4/2015 để thu hồi nợ.

- Về án phí:

+ Thỏa thuận vợ chồng ông Trần T, bà Lê Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật là 18.983.895đ (*Mười tám triệu chín trăm tám mươi ba nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*).

+ Hoàn trả cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 18.583.356đ (*Mười tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 0005501 ngày 02/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An;
- THADS huyện Tuy An;
- Đường sự;
- Lưu hs, AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền